

Số: 1900/KH-SGDĐT

Cần Thơ, ngày 20 tháng 7 năm 2018

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện mục tiêu phát triển bền vững giáo dục và đào tạo thành phố Cần Thơ đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030**

Thực hiện Quyết định số 2161/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch thực hiện mục tiêu phát triển bền vững giáo dục và đào tạo đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 01 ngày 02 tháng 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ hành động thực hiện chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững thành phố Cần Thơ, Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng Kế hoạch thực hiện mục tiêu phát triển bền vững giáo dục và đào tạo thành phố Cần Thơ đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030, với những nội dung như sau:

#### **I. MỤC TIÊU CHUNG**

Đảm bảo nền giáo dục chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho mọi người; đến 2030 đạt các mục tiêu chung sau:

1. Đảm bảo tất cả các trẻ em gái và trai hoàn thành giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở miễn phí, công bằng, có chất lượng.
2. Tất cả trẻ em trong độ tuổi mầm non được chăm sóc, giáo dục có chất lượng để phát triển toàn diện, chuẩn bị sẵn sàng vào tiểu học.
3. Đảm bảo tất cả mọi người được tiếp cận giáo dục sau phổ thông có chất lượng, với chi phí học tập phù hợp với mức sống và mức thu nhập.
4. Xóa bỏ bất bình đẳng giới trong giáo dục; đảm bảo quyền tiếp cận bình đẳng trong giáo dục, đào tạo ở tất cả các cấp học cho người khuyết tật, người dân tộc thiểu số và trẻ em trong những hoàn cảnh dễ bị tổn thương.
5. Tất cả thanh thiếu niên và hầu hết người trưởng thành, không phân biệt giới tính, đều biết đọc, biết viết và biết tính toán.
6. Tất cả người học đều được trang bị những kiến thức và kỹ năng cần thiết để thúc đẩy phát triển bền vững, bao gồm: giáo dục về lối sống bền vững, quyền con người, bình đẳng giới, thúc đẩy một nền văn hóa hòa bình, không bạo lực; thực hiện giáo dục công dân toàn cầu, thích ứng cao với sự đa dạng văn hóa, nhưng vẫn giữ được bản sắc văn hóa của dân tộc, thúc đẩy sự đóng góp của văn hóa đối với phát triển bền vững.

#### **II. CÁC MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ CỤ THỂ**

##### **1. Tăng tiếp cận giáo dục cho mọi người**

a) Tiếp tục thực hiện hiệu quả quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo thành phố Cần Thơ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, giám sát kết quả thực hiện để kịp thời có điều chỉnh tương ứng.

b) Thực hiện chính sách về học phí cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông, tiến đến miễn phí hoàn toàn đối với cấp trung học cơ sở.

c) Thực hiện cơ chế hỗ trợ người dân đưa con trong độ tuổi đến trường, đặc biệt là trẻ em khuyết tật, trẻ em ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng bị ảnh hưởng bởi thiên tai và biến đổi khí hậu; thực hiện giáo dục hòa nhập, giáo dục đặc biệt cho trẻ em khuyết tật.

d) Nâng cao chất lượng giáo dục tiểu học và trung học cơ sở và tăng cường công tác quản lý chất lượng giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, trong bối cảnh đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông bao gồm cả đổi mới hệ thống đánh giá và kiểm định chất lượng các cấp. Giảm sự chênh lệch về chất lượng giáo dục giữa thành thị và nông thôn, giảm tỷ lệ trẻ bỏ học, trẻ em ngoài nhà trường.

đ) Đảm bảo ngân sách nhà nước đầu tư cho giáo dục được tập trung ưu tiên cho giáo dục phổ cập, giáo dục ở những vùng đặc biệt khó khăn, vùng có dân tộc thiểu số, vùng bị ảnh hưởng bởi thiên tai và biến đổi khí hậu và các đối tượng chính sách xã hội.

e) Tăng cường hiệu quả công tác thống kê, theo dõi bình đẳng giáo dục, bao gồm tiếp cận, chất lượng và hiệu quả giáo dục.

g) Thực hiện giám sát xã hội đối với chất lượng và hiệu quả giáo dục.

## **2. Chăm sóc, giáo dục trẻ có chất lượng**

a) Tiếp tục thực hiện Đề án phát triển giáo dục mầm non thành phố Cần Thơ giai đoạn 2010 - 2015 và định hướng đến năm 2020; xây dựng Đề án phát triển giáo dục mầm non thành phố Cần Thơ giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng đến năm 2030.

b) Nâng cao nhận thức cộng đồng, nhất là đối với vùng nông thôn, vùng có đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ có trẻ em khuyết tật về sự cần thiết đối với phát triển toàn diện sức khỏe và trí tuệ của trẻ em từ giai đoạn trẻ thơ.

c) Tăng cường và phối hợp liên ngành đảm bảo sự liên kết có chất lượng vào sự phát triển của trẻ.

d) Thực hiện chính sách hỗ trợ phù hợp để bảo đảm các trẻ em nghèo, trẻ em bị khuyết tật, nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt có điều kiện tiếp cận dịch vụ chăm sóc giai đoạn trẻ thơ và giáo dục mầm non.

## **3. Phát triển giáo dục đại học có chất lượng**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo về quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo tham mưu việc đào tạo gắn với nhu cầu xã hội đối với các cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gồm các nhiệm vụ như sau:

a) Nâng cao chất lượng của các cơ sở giáo dục đại học thông qua đổi mới cơ chế hoạt động của các cơ sở này theo hướng gắn với thị trường lao động.

b) Thực hiện hiệu quả các chiến lược đã ban hành liên quan đến giáo dục đại học, bình đẳng giới, bảo đảm tất cả nam và nữ có nhu cầu đều có thể tiếp cận dịch vụ giáo dục đại học phù hợp.

c) Tăng cường thực hiện chính sách hỗ trợ các đối tượng chính sách, người nghèo, người yếu thế và dễ bị tổn thương có điều kiện tiếp cận dịch vụ giáo dục đại học theo nhu cầu.

d) Đẩy nhanh việc thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học theo quan điểm dựa trên cơ sở chất lượng, đảm bảo một hệ thống giáo dục đại học có hiệu quả, phù hợp với xu thế phát triển của giáo dục đại học trong khu vực và thế giới.

đ) Tăng cường giao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục đại học trên cơ sở năng lực, chất lượng và khả năng tự chủ tài chính, giảm gánh nặng đầu tư tài chính của Nhà nước.

#### **4. Thực hiện chính sách giáo dục, đào tạo đảm bảo bình đẳng trong giáo dục và xóa bỏ chênh lệch còn tồn tại đối với các đối tượng dễ bị tổn thương**

a) Tham mưu thực hiện các chính sách về bảo đảm bình đẳng trong giáo dục đối với những người dễ bị tổn thương và hỗ trợ để họ có điều kiện tiếp cận dịch vụ giáo dục và đào tạo.

b) Đảm bảo công tác lập kế hoạch và dự toán ngân sách phát triển giáo dục đào tạo hàng năm và trung hạn có lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển bền vững và có các biện pháp phù hợp để thúc đẩy tiếp cận và chất lượng giáo dục bao gồm phát triển toàn diện trẻ thơ, giáo dục phổ thông và sau phổ thông.

c) Tăng cường, ưu tiên đào tạo nhân lực cho các dân tộc thiểu số và xã đặc biệt khó khăn với các hình thức phù hợp.

#### **5. Xây dựng xã hội học tập**

a) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020; thực hiện bộ tiêu chí đánh giá “cộng đồng học tập”, “thành phố học tập”, “cộng dân học tập” theo định hướng của UNESCO.

b) Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ cho người học thuộc đối tượng chính sách, người dân tộc thiểu số, phụ nữ theo địa bàn, đặc biệt là các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

c) Củng cố, phát triển bền vững các trung tâm học tập cộng đồng; tăng cường các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng; đa dạng hóa nội dung giáo dục; phân đầu tăng số lượng trung tâm học tập cộng đồng hoạt động có hiệu quả; phát triển mô hình trung tâm học tập cộng đồng kết hợp với trung tâm văn hóa thể thao xã, phường hoạt động có hiệu quả.

#### **6. Trang bị kỹ năng, kiến thức cần thiết cho người học để thúc đẩy phát triển bền vững**

a) Thực hiện các nội dung giáo dục về: phát triển bền vững, lối sống bền vững, quyền con người, bình đẳng giới, ngăn chặn và chống bạo lực, công dân toàn cầu, ý thức tôn trọng sự đa dạng văn hóa trong nội dung chương trình giảng dạy ở tất cả các cấp học.

b) Tăng cường các nội dung giáo dục có tính thực tiễn, sử dụng phương pháp dạy học tích cực, học qua trải nghiệm, nghiên cứu, học qua các dự án, tình huống và phương pháp tiếp cận trường học toàn diện.

c) Tăng cường năng lực của cơ sở giáo dục trong lồng ghép phát triển bền vững xuyên suốt hệ thống giáo dục cả chính quy và không chính quy.

d) Tăng cường hợp tác quốc tế về đào tạo giáo viên trình độ cao.

### **7. Xây dựng môi trường học tập an toàn, không bạo lực, toàn diện và hiệu quả cho tất cả mọi người**

a) Thực hiện hệ thống các tiêu chí/tiêu chuẩn về cơ sở hạ tầng giáo dục thân thiện với trẻ em, người khuyết tật và bình đẳng giới.

b) Bảo đảm các cơ sở giáo dục xây mới đáp ứng các tiêu chí thân thiện với trẻ em, bao gồm cả trẻ khuyết tật; đồng thời, sửa chữa, nâng cấp các cơ sở giáo dục đang hoạt động để đáp ứng tiêu chí đề ra.

c) Lồng ghép mục tiêu về cơ sở giáo dục thân thiện với trẻ em vào kế hoạch phát triển giáo dục đào tạo hàng năm; xây dựng trường học an toàn, lành mạnh, không bạo lực; tăng cường giáo dục kỹ năng sống và tư vấn học đường.

d) Huy động các nguồn lực xã hội đầu tư cho việc xây dựng và nâng cấp các cơ sở giáo dục.

### **8. Giáo dục, nâng cao nhận thức, năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai**

a) Phối hợp các lực lượng xã hội huy động nguồn lực để kịp thời ứng phó với thiên tai và tình huống khẩn cấp trong giáo dục hạn chế tình trạng gián đoạn học tập do thiên tai xảy ra, tăng cường theo dõi giám sát và nâng cao năng lực hệ thống giáo dục trong việc chuẩn bị dự phòng, chống chịu và thích ứng với thiên tai và tác động của biến đổi khí hậu trong khuôn khổ triển khai trường học an toàn.

b) Triển khai kiến thức cơ bản về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai; lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu vào các môn học phù hợp, đồng thời tăng cường giáo dục ngoại khóa về biến đổi khí hậu trong các cơ sở giáo dục.

c) Thực hiện sáng kiến trường học an toàn, các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai lấy trẻ em/học sinh làm trung tâm.

## **III. MỘT SỐ CHỈ SỐ THEO DÕI, GIÁM SÁT**

TT	Chỉ số theo dõi, giám sát	ĐVT	Thực hiện năm 2015	Mức phấn đấu		
				Năm 2020	Năm 2025	Năm 2030
<b>I.</b>	<b>Đến năm 2030, đảm bảo tất cả các trẻ em gái và trai hoàn thành giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở miễn phí, công bằng, có chất lượng</b>					
1	Tỷ lệ học sinh lớp 2, lớp 3 đạt được mức độ thông thạo tối thiểu về đọc hiểu và toán học Trong đó: - Nam - Nữ	% % %	99,0 99,0 99,0	99,5 99,5 99,5	99,8 99,8 99,8	99,9 99,9 99,9
2	Tỷ lệ học sinh cuối cấp tiểu học đạt mức độ thông thạo tối thiểu về đọc hiểu và toán học Trong đó: - Nam - Nữ	% % %	100,0 100,0 100,0	100,0 100,0 100,0	100,0 100,0 100,0	100,0 100,0 100,0
3	Tỷ lệ học sinh cuối cấp trung học cơ sở đạt được mức độ thông thạo tối thiểu về đọc hiểu và toán học Trong đó: - Nam - Nữ	% % %	100,0 100,0 100,0	100,0 100,0 100,0	100,0 100,0 100,0	100,0 100,0 100,0
4	Tỷ lệ trẻ em đi học được đánh giá kết quả học tập theo quy định của quốc gia - Trong quá trình học tiểu học - Kết thúc tiểu học - Kết thúc THCS	% % %	100,0 100,0 100,0	100,0 100,0 100,0	100,0 100,0 100,0	100,0 100,0 100,0
5	Tỷ lệ dân số trong độ tuổi đi học được huy động ra lớp tiểu học (tỷ lệ HS đi học đúng tuổi cấp tiểu học) - Nam - Nữ Riêng dân tộc thiểu số	% % % %	100,0 100,0 100,0 100,0	100,0 100,0 100,0 100,0	100,0 100,0 100,0 100,0	100,0 100,0 100,0 100,0
6	Tỷ lệ dân số trong độ tuổi đi học được huy động ra lớp THCS (tỷ lệ HS đi học đúng tuổi cấp THCS) - Nam - Nữ Riêng dân tộc thiểu số	% % % %	95,5 95,5 95,5 90,0	90,0 90,0 90,0 91,0	93,0 93,0 93,0 93,0	95,0 95,0 95,0 97,0
7	Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học - Nam - Nữ	% % %	99,7 99,7 99,7	99,8 99,8 99,8	99,9 99,9 99,9	100,0 100,0 100,0
8	Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình THCS (tỷ lệ tốt nghiệp	%	99,1	99,2	99,3	99,4

TT	Chỉ số theo dõi, giám sát	ĐVT	Thực hiện năm 2015	Mức phấn đấu		
				Năm 2020	Năm 2025	Năm 2030
	THCS)					
	- Nam	%	99,1	99,2	99,3	99,4
	- Nữ	%	99,1	99,2	99,3	99,4
9	Tỷ lệ trẻ em ngoài nhà trường ở độ tuổi đi học tiểu học	%	0,0	0,0	0,0	0,0
	Trong đó: Dân tộc thiểu số	%	0,0	0,0	0,0	0,0
10	Tỷ lệ trẻ em ngoài nhà trường ở độ tuổi đi học THCS	%	4,5	10,0	7,0	5,0
	Trong đó: Dân tộc thiểu số	%	10,0	9,0	7,0	3,0
11	Số năm đi học được miễn phí học phí					
	- Mầm non	Năm	0	1	1	1
	- Tiểu học	Năm	5	5	5	5
	- THCS	Năm	0	4	4	4
12	Số năm học tiểu học bắt buộc (tối đa)	Năm	5	5	5	5
13	Số năm học THCS bắt buộc (tối đa)	Năm	4	4	4	4
<b>II.</b>	<b>Đến năm 2030, đảm bảo rằng tất cả trẻ em được chăm sóc và phát triển để sẵn sàng tham gia học tiểu học</b>					
14	Tỷ lệ huy động trẻ em ra lớp mầm non					
	Nhà trẻ (so với độ tuổi 0 - dưới 3 tuổi)	%	27,0	30,0	40,0	50,0
	- Nam	%	27,0	30,0	40,0	50,0
	- Nữ	%	27,0	30,0	40,0	50,0
	Mẫu giáo (so với độ tuổi 3 - 5 tuổi)	%	88,0	93,0	94,0	97,0
	- Nam	%	88,0	93,0	94,0	97,0
	- Nữ	%	88,0	93,0	94,0	97,0
15	Tỷ lệ trẻ em mầm non được theo dõi phát triển về sức khỏe, học tập và tâm lý xã hội	%	98,2	100,0	100,0	100,0
	Trong số đó:					
	- Nam	%	98,2	100,0	100,0	100,0
	- Nữ	%	98,2	100,0	100,0	100,0
	- Vùng kinh tế - xã hội thuận lợi	%	99,8	100,0	100,0	100,0
	- Vùng kinh tế - xã hội khó khăn	%	96,5	100,0	100,0	100,0

TT	Chỉ số theo dõi, giám sát	ĐVT	Thực hiện năm 2015	Mức phấn đấu		
				Năm 2020	Năm 2025	Năm 2030
	- Trẻ thuộc hộ nghèo, cận nghèo	%	90,5	100,0	100,0	100,0
16	Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi được tham gia học tập để chuẩn bị vào học tiểu học (hoàn thành chương trình giáo dục mầm non)	%	98,2	99,0	99,1	99,3
	Trong đó: - Nam	%	98,2	99,0	99,1	99,3
	- Nữ	%	98,2	99,0	99,1	99,3
17	Tỷ lệ trẻ em mầm non được trải nghiệm tích cực nhờ môi trường giáo dục tại gia đình thúc đẩy và khuyến khích tìm tòi, học hỏi	%	90,0	100,0	100,0	100,0
18	Tỷ trọng kinh phí chi cho giáo dục tiểu học/tổng chi giáo dục và đào tạo	%	24,0	25,0	25,0	25,0
<b>III.</b>	<b>Đến năm 2030, đảm bảo tiếp cận công bằng cho tất cả phụ nữ và nam giới đối với giáo dục sau phổ thông (bao gồm cả đại học) có chất lượng, trong khả năng chi trả</b>					
19	Tỷ lệ thanh niên và người trưởng thành (từ độ 16 tuổi trở lên) tham gia giáo dục chính quy và phi chính quy trong năm	%	75,0	80,0	85,0	90,0
	Trong đó: - Nam	%	75,0	80,0	85,0	90,0
	- Nữ	%	75,0	80,0	85,0	90,0
<b>IV.</b>	<b>Đến năm 2030, tăng số thanh niên và người lớn có các kỹ năng phù hợp, gồm kỹ năng kỹ thuật và nghề nghiệp, để có việc làm, công việc tốt và làm chủ doanh nghiệp</b>					
20	Tỷ lệ thanh niên và người trưởng thành (từ độ 16 tuổi trở lên) có kỹ năng xử lý và sử dụng công nghệ thông tin thông thường	%	70,0	75,0	82,0	92,0
21	Tỷ lệ dân số 15 đến 60 tuổi đạt được ít nhất một mức tối thiểu về khả năng biết đọc, biết viết và kỹ năng tính toán					
	- Nam	%	97,4	98,0	99,0	99,5
	- Nữ	%	96,5	97,0	98,0	99,0

TT	Chỉ số theo dõi, giám sát	ĐVT	Thực hiện năm 2015	Mức phấn đấu		
				Năm 2020	Năm 2025	Năm 2030
V.	<b>Đến năm 2030, xóa bỏ bất bình đẳng giới trong giáo dục và đảm bảo quyền bình đẳng với tất cả trình độ giáo dục và đào tạo nghề cho những người dễ bị tổn thương, bao gồm cả những người khuyết tật, người dân dân tộc và trẻ em trong những hoàn cảnh dễ bị tổn thương</b>					
22	Tỷ lệ ngân sách chi cho giáo dục trong tổng chi tiêu của Chính phủ	%	19	20	20	20
VI.	<b>Đến năm 2030, bảo đảm tất cả thanh thiếu niên và tỷ lệ đáng kể người lớn, cả nam và nữ biết đọc, viết và làm toán</b>					
23	Tỷ lệ dân số 15 đến 60 tuổi biết chữ	%		98,0	98,5	99,0
24	Tỷ lệ dân số 15 đến 60 tuổi mù chữ tham gia các lớp xóa mù chữ: - Mức 1 (hoàn thành lớp 3) - Mức 2 (hoàn thành lớp 5)	% %		30,0 20,0	50,0 40,0	70,0 60,0
VII.	<b>Đến năm 2030, tất cả những người đi học đều có được kiến thức và kỹ năng cần thiết để thúc đẩy phát triển bền vững, bao gồm: giáo dục về phát triển bền vững và lối sống bền vững, quyền con người, bình đẳng giới, thúc đẩy một nền văn hóa hòa bình, không bạo lực, công dân toàn cầu; có sự đa dạng văn hóa cũng như những đóng góp của văn hóa đối với phát triển bền vững</b>					
25	Tỷ lệ học sinh có sự hiểu biết về các vấn đề liên quan đến công dân toàn cầu và phát triển bền vững: - Tiểu học - THCS - THPT	% % %		100,0 100,0 100,0	100,0 100,0 100,0	100,0 100,0 100,0
26	Tỷ lệ học sinh 15 tuổi được cung cấp kiến thức về khoa học môi trường, khoa học địa chất và khoa học về sự sống	%		100,0	100,0	100,0
27	Tỷ lệ trường học có giảng dạy, cung cấp kiến thức về HIV và	%	78,9	80,0	100,0	100,0



TT	Chỉ số theo dõi, giám sát	ĐVT	Thực hiện năm 2015	Mức phấn đấu		
				Năm 2020	Năm 2025	Năm 2030
	giáo dục giới tính cho học sinh					
<b>VIII.</b>	<b>Đến năm 2030, xây dựng và nâng cấp các cơ sở giáo dục thân thiện với trẻ em, người khuyết tật, bình đẳng giới và cung cấp môi trường học tập an toàn, không bạo lực, toàn diện, hiệu quả cho tất cả mọi người</b>					
28	Tỷ lệ cơ sở giáo dục mầm non có - Nước sạch - Công trình vệ sinh - Giáo dục vệ sinh đôi tay - Giáo dục cơ bản về giới tính, phòng chống bạo lực, xâm hại	% % % %	78,0 100,0 98,0 97,0	100,0 100,0 100,0 100,0	100,0 100,0 100,0 100,0	100,0 100,0 100,0 100,0
29	Tỷ lệ trường tiểu học có: - Nước sạch - Công trình vệ sinh - Giáo dục vệ sinh đôi tay - Giáo dục cơ bản về giới tính, phòng chống bạo lực, xâm hại	% % % %	78,0 100,0 78,0 99,0	100,0 100,0 100,0 100,0	100,0 100,0 100,0 100,0	100,0 100,0 100,0 100,0
30	Tỷ lệ trường THCS có: - Nước sạch - Công trình vệ sinh - Giáo dục vệ sinh đôi tay - Giáo dục cơ bản về giới tính, phòng chống bạo lực, xâm hại	% % % %	94,0 100,0 94,0 99,0	100,0 100,0 100,0 100,0	100,0 100,0 100,0 100,0	100,0 100,0 100,0 100,0
31	Tỷ lệ trường THPT có: - Nước sạch - Công trình vệ sinh - Giáo dục vệ sinh đôi tay - Giáo dục cơ bản về giới tính, phòng chống bạo lực, xâm hại	% % % %	94,0 100,0 94,0 99,0	100,0 100,0 95,0 100,0	100,0 100,0 99,0 100,0	100,0 100,0 100,0 100,0
32	Tỷ lệ cơ sở giáo dục mầm non: - Có điện lưới - Khai thác Internet cho CS, GD trẻ - Sử dụng máy tính cho CS, GD trẻ	% % %	98,5 99,0 99,0	100,0 99,5 100,0	100,0 100,0 100,0	100,0 100,0 100,0
33	Tỷ lệ trường tiểu học: - Có điện lưới - Khai thác Internet cho dạy học - Sử dụng máy tính cho dạy học	% % %	100,0 100,0 100,0	100,0 100,0 100,0	100,0 100,0 100,0	100,0 100,0 100,0
34	Tỷ lệ trường THCS: - Có điện lưới - Khai thác Internet cho dạy học	% %	100,0 100,0	100,0 100,0	100,0 100,0	100,0 100,0

TT	Chỉ số theo dõi, giám sát	ĐVT	Thực hiện năm 2015	Mức phấn đấu		
				Năm 2020	Năm 2025	Năm 2030
	- Sử dụng máy tính cho dạy học	%	100,0	100,0	100,0	100,0
35	Tỷ lệ trường THPT:					
	- Có điện lưới	%	100,0	100,0	100,0	100,0
	- Khai thác Internet cho dạy học	%	100,0	100,0	100,0	100,0
	- Sử dụng máy tính cho dạy học	%	100,0	100,0	100,0	100,0
36	Tỷ lệ trường học phổ thông có cơ sở hạ tầng, tài liệu học tập, môi trường học tập phù hợp và tiếp cận với học sinh khuyết tật	%		50,0	55,0	60,0
37	Tỷ lệ học sinh bị bắt nạt, nhục hình, bạo lực học đường, quấy rối, lạm dụng tình dục, phân biệt đối xử	%		0,0	0,0	0,0
38	Tỷ lệ học sinh, sinh viên, nhân viên tại các cơ sở giáo dục, đào tạo vi phạm bạo lực học đường	%		0,0	0,0	0,0
39	Tỷ lệ trường học phổ thông có bộ phận làm công tác tư vấn học đường với cán bộ tư vấn được đào tạo phù hợp	%	85,0	90,0	100,0	100,0
<b>IX.</b>	<b>Đến năm 2030, tăng nguồn cung giáo viên có trình độ, thông qua hợp tác quốc tế về đào tạo giáo viên tại các quốc gia đang phát triển, đặc biệt là các quốc gia kém phát triển nhất và đang phát triển</b>					
40	Tỷ lệ giáo viên được tham gia ít nhất một khóa đào tạo nghiệp vụ giáo viên cần có để dạy học (trước hoặc trong khi tham gia công tác giảng dạy):					
	- Mầm non	%	100,0	100,0	100,0	100,0
	- Tiểu học	%	100,0	100,0	100,0	100,0
	- THCS	%	100,0	100,0	100,0	100,0
	- THPT	%	100,0	100,0	100,0	100,0
41	Tỷ lệ giáo viên, thuộc đối tượng bồi dưỡng, tham gia các lớp bồi dưỡng thường xuyên hàng năm:					
	- Mầm non	%	100,0	100,0	100,0	100,0
	- Tiểu học	%	100,0	100,0	100,0	100,0
	- THCS	%	100,0	100,0	100,0	100,0
	- THPT	%	100,0	100,0	100,0	100,0
42	Tỷ lệ học sinh/giáo viên (trẻ/GV):					
	- Nhà trẻ	Trẻ/GV	9,13	9,00	7,80	7,00
	- Mẫu giáo	Trẻ/GV	14,80	14,70	14,60	14,50

TT	Chỉ số theo dõi, giám sát	ĐVT	Thực hiện năm 2015	Mức phấn đấu		
				Năm 2020	Năm 2025	Năm 2030
	- Tiểu học	HS/GV	21,80	21,50	21,00	21,00
	- THCS	HS/GV	18,60	19,00	20,00	21,00
	- THPT	HS/GV	14,00	16,00	18,00	20,00
43	Tỷ lệ giáo viên/lớp (tối thiểu):					
	- Nhà trẻ	GV/lớp	2,00	2,20	2,50	2,50
	- Mẫu giáo	GV/lớp	1,67	1,80	2,00	2,20
	- Tiểu học	GV/lớp	1,44	1,50	1,50	1,50
	- THCS	GV/lớp	2,05	1,90	1,90	1,90
	- THPT	GV/lớp	2,30	2,25	2,25	2,25

#### IV. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Lồng ghép, tích hợp các hoạt động để nâng cao nhận thức của nhà giáo, cán bộ quản lý, học sinh, sinh viên trong toàn ngành về các mục tiêu phát triển bền vững trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; tổ chức tuyên truyền, phổ biến, triển khai nội dung Kế hoạch đến các cấp, các ngành, các lực lượng xã hội nhằm tạo sự đồng thuận, chung sức chỉ đạo và triển khai thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch.

2. Triển khai hiệu quả việc đổi mới nội dung, chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo tiếp cận năng lực; thực hiện chương trình tích hợp các chủ đề về giảm rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, bình đẳng giới, giáo dục giới tính toàn diện, công dân toàn cầu, kỹ năng sống, định hướng nghề nghiệp, văn hóa di sản:

a) Thực hiện tích hợp, lồng ghép có chọn lọc những kiến thức về giáo dục công dân toàn cầu, bình đẳng giới, giáo dục giới tính toàn diện, phát triển bền vững và ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu, kỹ năng sống, định hướng nghề nghiệp, văn hóa di sản, phòng, chống HIV/AIDS vào các môn học trong chương trình sách giáo khoa phù hợp với từng cấp học và các hoạt động, phong trào của ngành giáo dục.

b) Triển khai thực hiện nội dung chương trình giáo dục và đào tạo hướng đến nâng cao nhận thức và hành động của học sinh, gia đình, xã hội về công bằng trong giáo dục bình đẳng giới, giáo dục giới tính toàn diện, kỹ năng sống và công dân toàn cầu; nâng cao trình độ văn hóa cho đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện công tác đánh giá kết quả học tập của học sinh theo hướng đánh giá việc hình thành các năng lực, kỹ năng và thái độ bên cạnh tiếp thu kiến thức.

c) Bồi dưỡng, cập nhật nâng cao năng lực cho giáo viên để thực hiện có hiệu quả chương trình, sách giáo khoa mới, nhất là đổi mới phương pháp giảng dạy giúp học sinh hình thành các năng lực, kỹ năng và thái độ cần thiết trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 và xu hướng hội nhập quốc tế. Thực hiện giám sát để bảo đảm công cuộc đổi mới chương trình được triển khai có hiệu quả, thực chất và bền vững.

**3. Tăng cường quản trị trường học hiệu quả và huy động sự tham gia của tất cả học sinh, sinh viên, gia đình, xã hội vào quá trình quản trị trường học; xây dựng môi trường văn hóa nhà trường, văn hóa trong học tập; tạo lập môi trường học tập công bằng, toàn diện, không bạo lực cho tất cả học sinh:**

a) Thực hiện đổi mới quản lý giáo dục ở các cấp, đặc biệt là tăng cường hiệu quả quản lý nhà trường; thực hiện cơ chế xác lập quyền tự chủ của nhà trường ở tất cả các cấp học, trình độ đào tạo; thực hiện kế hoạch giáo dục đi đôi với việc nâng cao năng lực quản trị nhà trường, trách nhiệm giải trình của đơn vị, cá nhân thực hiện nhiệm vụ và chức năng kiểm tra, giám sát.

b) Thực hiện nghiêm các quy định về phân cấp quản lý nhà nước về giáo dục; thực hiện phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng từ trên xuống dưới, từ xây dựng kế hoạch đến thông tin báo cáo, giúp các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục chủ động kết nối được nhiệm vụ với điều kiện về nhân lực, tài chính trong quá trình thực hiện.

c) Xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục theo chuẩn nghề nghiệp, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo; triển khai nội dung, chương trình giáo dục mầm non, phổ thông đổi mới.

d) Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, giáo dục công dân trong nhà trường; giữ gìn, tôn vinh và khắc sâu các giá trị nhân văn, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc trong các thế hệ học sinh, sinh viên.

đ) Bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên, cán bộ phụ trách công tác Đoàn - Hội - Đội, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục thực hiện quy trình phòng ngừa và xử lý các vấn đề xâm hại, bạo lực trẻ em, tư vấn học đường và các phương pháp kỷ luật tích cực.

e) Thực hiện cơ chế dân chủ cơ sở trong trường học; xây dựng văn hóa học đường trong tất cả cơ sở giáo dục và đào tạo; xây dựng môi trường tự học và sáng tạo trong nhà trường, xem đó là động lực phát triển của cán bộ, giáo viên/giảng viên và học sinh/sinh viên.

g) Phối hợp các lực lượng xã hội thiết lập các dịch vụ can thiệp, hỗ trợ đối với các đối tượng bị bạo lực, bị xâm hại ngay tại trường học.

h) Tham mưu hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển giáo dục, xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nhằm thiết lập cơ chế đảm bảo tài chính, cải tiến chính sách giáo dục và tăng cường công tác lập kế hoạch hàng năm, trung hạn; đảm bảo lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển bền vững vào kế hoạch và ngân sách của các cấp, các ngành.

i) Tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền từ Trung ương đến địa phương, tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc đầu tư phát triển sự nghiệp giáo dục đào tạo; chú trọng thu hẹp và xóa bỏ khoảng cách chênh lệch bất bình đẳng trong tiếp cận, chất lượng và hiệu quả giáo dục.

k) Huy động các nguồn lực tài chính trong và ngoài nước để đầu tư cho giáo dục đào tạo; khuyến khích xã hội hóa giáo dục, tạo hành lang pháp lý để thu hút nguồn lực xã hội, đặc biệt là nguồn tài chính từ khu vực tư nhân cho phát triển giáo dục đào tạo.

l) Thực hiện tốt cơ chế cung cấp tài chính hướng tới công bằng trong giáo dục cho trẻ em gái, trẻ khuyết tật, trẻ em dân tộc thiểu số và trẻ em trong những hoàn cảnh dễ bị tổn thương:

m) Tăng cường cơ sở vật chất để hỗ trợ phát triển giáo dục đối với đối tượng chính sách xã hội; tiếp tục củng cố, phát triển hệ thống trường lớp, cơ sở giáo dục phù hợp với điều kiện của từng địa phương, vùng bị ảnh hưởng bởi thiên tai và biến đổi khí hậu. Tham mưu xây dựng và thực hiện chính sách miễn học phí cho giáo dục mầm non 5 tuổi, giáo dục trung học cơ sở.

n) Hướng dẫn, hỗ trợ giáo viên, cha mẹ trẻ về phát hiện sớm, can thiệp sớm đối với trẻ có nguy cơ chậm phát triển và trẻ khuyết tật; đẩy mạnh giáo dục hòa nhập đối với trẻ khuyết tật; thí điểm và nhân rộng mô hình trung tâm tư vấn hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ dựa vào cộng đồng. Thực hiện ưu tiên hỗ trợ tài chính cho các hoạt động này.

o) Thực hiện đầy đủ các chính sách dành cho nhà giáo, cán bộ quản lý, trẻ em, học sinh, sinh viên.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Các sở, ngành có liên quan**

Theo chức năng, nhiệm vụ và căn cứ phân công trách nhiệm thực hiện trong Kế hoạch hành động số 27/KH-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố hành động thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững; đề nghị các Sở, ngành cụ thể hóa hoạt động của Kế hoạch này vào kế hoạch hàng năm của cơ quan mình để phối hợp, tạo điều kiện về cơ chế, nhân lực, tài chính cho các cấp, các ngành triển khai thực hiện.

### **2. Sở Giáo dục và Đào tạo**

a) Thành lập Ban Chỉ đạo ngành giáo dục vì sự phát triển bền vững của ngành để giúp Ủy ban nhân dân hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị (theo Phân công trách nhiệm kèm theo kế hoạch này), triển khai thực hiện Kế hoạch trong toàn ngành giáo dục trong phạm vi thành phố.

b) Cụ thể hóa các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành; chủ trì hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát đánh giá việc thực hiện và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo, Ủy ban nhân dân thành phố.

c) Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức của công chức, viên chức và người lao động trong toàn ngành giáo dục về phát triển bền vững; quán triệt, lồng ghép nhiệm vụ vào chương các chương trình, hành động khác để thực hiện thành công Kế hoạch này.

d) Phối hợp với các sở, ngành liên quan và các tổ chức xã hội, các tổ chức quốc tế khác trong triển khai thực hiện Kế hoạch.

### **3. Ủy ban nhân dân quận, huyện**

a) Chỉ đạo phòng giáo dục và đào tạo, ban, ngành liên quan xây dựng kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra giám sát việc thực hiện trên phạm vi địa bàn; định kỳ hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Sở Giáo dục và Đào tạo.

b) Lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững lĩnh vực giáo dục và đào tạo vào quá trình xây dựng, chỉ đạo thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm; địa phương huy động các nguồn lực cho tổ chức thực hiện.

### **4. Kinh phí thực hiện**

Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn ngân sách chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo trong dự toán được giao hàng năm và các nguồn huy động hợp pháp khác của các đơn vị thực hiện, theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và theo phân cấp quản lý hiện hành./.

#### ***Nơi nhận:***

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- UBND TP;
- Các sở, ban, ngành (để phối hợp);
- UBND quận, huyện;
- Phòng GD&ĐT quận, huyện;
- Lưu: VT, KHTC.

**GIÁM ĐỐC**

**Trần Hồng Thắm**

## PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Thực hiện mục tiêu phát triển bền vững giáo dục và đào tạo thành phố Cần Thơ đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030

(Kèm theo Kế hoạch số 1900/KH-SGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018)

Mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch	Phân công trách nhiệm
<b>1.1. Đảm bảo tất cả các trẻ em gái và trai hoàn thành giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở miễn phí, công bằng, có chất lượng</b>	
<ul style="list-style-type: none"><li>- Đảm bảo tỷ lệ học sinh lớp 2, lớp 3 đạt được mức độ thông thạo tối thiểu về đọc hiểu và toán học</li><li>- Duy trì tỷ lệ học sinh cuối cấp tiểu học đạt được mức độ thông thạo tối thiểu về đọc hiểu và toán học</li><li>- Đảm bảo tỷ lệ trẻ học tiểu học được đánh giá kết quả học tập theo chuẩn quốc gia</li><li>- Nâng tỷ lệ dân số trong độ tuổi huy động ra lớp tiểu học</li><li>- Nâng cao tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp tiểu học</li><li>- Giảm tỷ lệ TENNT ở độ tuổi tiểu học</li></ul>	Phòng Giáo dục Tiểu học chủ trì, phối hợp các phòng giáo dục
<ul style="list-style-type: none"><li>- Duy trì tỷ lệ học sinh cuối cấp trung học cơ sở đạt được mức độ thông thạo tối thiểu về đọc hiểu và toán học</li><li>- Đảm bảo tỷ lệ trẻ học THCS được đánh giá kết quả học tập theo chuẩn quốc gia</li><li>- Nâng tỷ lệ dân số trong độ tuổi huy động ra lớp THCS</li><li>- Nâng cao tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp THCS</li><li>- Giảm tỷ lệ TENNT ở độ tuổi THCS</li></ul>	Phòng Giáo dục Trung học chủ trì, phối hợp các phòng giáo dục
<ul style="list-style-type: none"><li>- Nâng tỷ lệ dân số 15 đến 60 tuổi tham gia các lớp xóa mù chữ</li></ul>	Phòng Giáo dục thường xuyên chuyên nghiệp - Đại học chủ trì, phối hợp các phòng giáo dục
<ul style="list-style-type: none"><li>- Tham mưu thực hiện hiệu quả quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo thành phố Cần Thơ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, giám sát kết quả thực hiện để kịp thời có điều chỉnh tương ứng</li></ul>	Phòng Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp các phòng giáo dục
<ul style="list-style-type: none"><li>- Tham mưu thực hiện lộ trình về số năm đi học được miễn học phí theo kế hoạch</li></ul>	Phòng Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp các phòng giáo dục

**1.2. Tất cả trẻ em trong độ tuổi mầm non được chăm sóc, giáo dục có chất lượng để phát triển toàn diện, chuẩn bị sẵn sàng vào tiểu học**

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng đề án huy động nguồn lực cho phát triển hệ thống giáo dục mầm non thông qua; tăng cường lực lượng giáo viên được đào tạo; phát huy vai trò của khu vực tư nhân trong cung ứng dịch vụ GDMN; huy động các thành phần kinh tế đầu tư hệ thống nhà trẻ, trường mầm non.</li> <li>- Đảm bảo tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được chăm sóc, phát triển đúng hướng; đảm bảo sức khỏe, tâm lý để học tập và hạnh phúc.</li> <li>- Nâng cao tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được trải nghiệm tích cực nhờ môi trường học tập tại gia đình</li> <li>- Duy trì và nâng cao tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN</li> </ul>	<p>Phòng Giáo dục Mầm non chủ trì, phối hợp các phòng giáo dục</p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố đảm bảo tỷ trọng kinh phí chi cho giáo dục tiểu học/tổng chi giáo dục và đào tạo</li> </ul>	<p>Phòng Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp các phòng giáo dục</p>

**1.3. Đảm bảo tất cả mọi người được tiếp cận giáo dục sau phổ thông có chất lượng, với chi phí học tập phù hợp với mức sống và mức thu nhập**

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện các chiến lược đã ban hành liên quan tới giáo dục đại học, bình đẳng giới, bảo đảm tất cả mọi người có nhu cầu đều có thể tiếp cận dịch vụ giáo dục đại học phù hợp.</li> </ul>	<p>Phòng Giáo dục thường xuyên chuyên nghiệp - Đại học chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan</p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cao chất lượng các cơ sở giáo dục đại học thông qua đổi mới cơ chế hoạt động của các cơ sở này theo hướng gắn với thị trường lao động.</li> <li>- Thực hiện chính sách hỗ trợ các đối tượng chính sách, người nghèo, người yếu thế và dễ bị tổn thương có điều kiện tiếp cận dịch vụ giáo dục đại học theo nhu cầu.</li> <li>- Tham mưu đẩy nhanh việc thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học theo quan điểm dựa trên cơ sở chất lượng, đảm bảo một hệ thống giáo dục đại học có hiệu quả, phù hợp với xu thế phát triển của giáo dục đại học trong khu vực và thế giới.</li> <li>- Tham mưu tăng cường giao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục đại học trên cơ sở năng lực, chất lượng và khả năng tự chủ tài chính, giảm bớt gánh nặng đầu tư tài chính của Nhà nước.</li> </ul>	<p>Phòng Giáo dục thường xuyên - chuyên nghiệp và Đại học chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan</p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham mưu đảm bảo tỷ lệ kinh phí chi cho giáo dục</li> </ul>	<p>Phòng Kế hoạch - Tài chính chủ</p>



đại học/tổng chi giáo dục và đào tạo (tất cả các nguồn vốn)	trì, phối hợp các đơn vị có liên quan
<b>1.4. Xóa bỏ bất bình đẳng giới trong giáo dục; đảm bảo quyền tiếp cận bình đẳng trong giáo dục, đào tạo ở tất cả các cấp học cho người khuyết tật, người dân tộc thiểu số và trẻ em trong những hoàn cảnh dễ bị tổn thương</b>	
- Đảm bảo tỷ lệ dân số trong độ tuổi 6 đến 60 tuổi được tham gia giáo dục, đào tạo (cả nam, nữ và cả ở nông thôn, thành thị)	Phòng Giáo dục thường xuyên-chuyên nghiệp và Đại học chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan
- Nâng tỷ lệ dân số bị khuyết tật trong độ tuổi 6 đến 60 tuổi được tham gia giáo dục, đào tạo, dạy nghề	Phòng Giáo dục thường xuyên-chuyên nghiệp và Đại học chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan
- Tỷ lệ học sinh tiểu học có ngôn ngữ mẹ đẻ chính là ngôn ngữ quốc gia được sử dụng trong giáo dục	Phòng Giáo dục Tiểu học chủ trì, phối hợp các phòng giáo dục
<b>1.5. Tất cả thanh thiếu niên và hầu hết người trưởng thành, không phân biệt giới tính, đều biết đọc, biết viết và biết tính toán</b>	
- Nâng tỷ lệ dân số 15 đến 60 tuổi đạt được ít nhất một mức tối thiểu về khả năng biết đọc, biết viết và kỹ năng tính toán  - Nâng tỷ lệ dân số 15 đến 60 tuổi biết chữ  - Nâng tỷ lệ dân số 15 đến 60 tuổi tham gia các chương trình XMC  - Củng cố, phát triển bền vững các trung tâm học tập cộng đồng (HTCĐ); tăng cường biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động của trung tâm HTCĐ; đa dạng hóa nội dung giáo dục; phân đầu tăng số lượng trung tâm HTCĐ hoạt động có hiệu quả; phát triển mô hình trung tâm HTCĐ kết hợp với trung tâm văn hóa thể thao phường, xã hoạt động có hiệu quả.	Phòng Giáo dục thường xuyên-chuyên nghiệp và Đại học chủ trì, phối hợp các phòng giáo dục
- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá “cộng đồng học tập”, “thành phố học tập”, “công dân học tập” theo định hướng của UNESCO.	Phòng Giáo dục thường xuyên-chuyên nghiệp và Đại học chủ trì, phối hợp các phòng giáo dục
<b>1.6. Tất cả người học đều được trang bị những kiến thức và kỹ năng cần thiết để thúc đẩy phát triển bền vững, bao gồm: giáo dục về lối sống bền vững, quyền con người, bình đẳng giới, thúc đẩy một nền văn hóa hòa bình, không bạo lực; thực hiện giáo dục công dân toàn cầu, thích ứng cao với sự đa dạng văn hóa, nhưng vẫn giữ được bản sắc văn hóa của dân tộc, thúc đẩy sự đóng góp của văn hóa đối với phát triển bền vững</b>	
- Nâng tỷ lệ học sinh tiểu học có sự hiểu biết đầy đủ về các vấn đề liên quan đến công dân toàn cầu và phát	Phòng Giáo dục Tiểu học chủ trì, phối hợp phòng giáo dục và

triển bền vững - Nâng tỷ lệ trường tiểu học có giảng dạy, cung cấp kiến thức về HIV và giáo dục giới tính cho học sinh	đào tạo.
- Nâng tỷ lệ học sinh THCS và THPT có sự hiểu biết đầy đủ về các vấn đề liên quan đến công dân toàn cầu và phát triển bền vững - Nâng tỷ lệ học sinh 15 tuổi được cung cấp kiến thức về khoa học môi trường và khoa học địa chất - Nâng tỷ lệ trường THCS, THPT có giảng dạy, cung cấp kiến thức về HIV và giáo dục giới tính cho học sinh	Phòng Giáo dục Trung học chủ trì, phối hợp các phòng giáo dục